



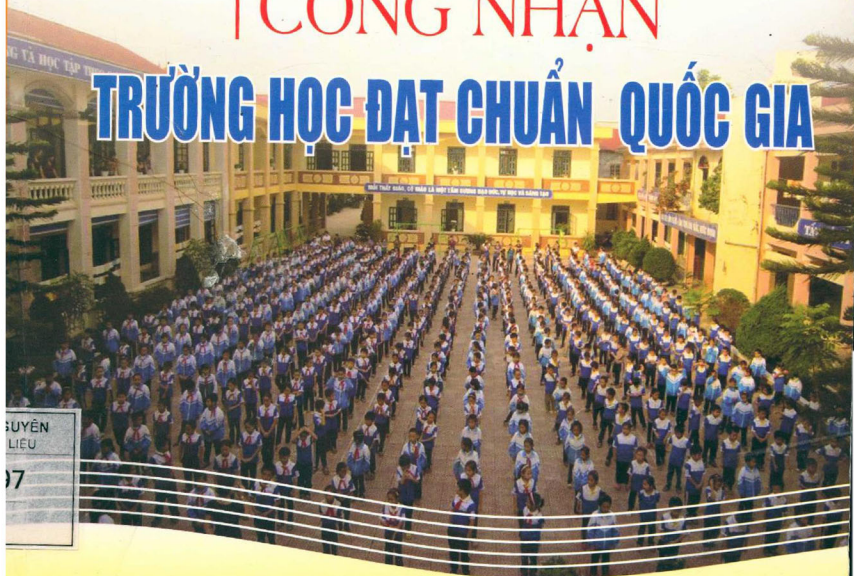
CK.0000073935

# ĐỔI MỚI CĂN BẢN TOÀN DIỆN

## CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGÀNH GIÁO DỤC

# TIÊU CHUẨN CÔNG NHẬN

## TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA



SUYỀN  
LIÊU

87



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

**ĐỔI MỚI CĂN BẢN TOÀN DIỆN  
CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGÀNH GIÁO DỤC  
TÈU CHUẨN CÔNG NHẬN TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**



**QUÍ LÂM – KIM PHƯỢNG**

*(Sưu tầm và hệ thống hóa)*

**ĐỔI MỚI CĂN BẢN TOÀN DIỆN  
CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGÀNH  
GIÁO DỤC TIÊU CHUẨN CÔNG NHẬN  
TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**

**NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**



# LỜI NÓI ĐẦU

**T**rong giai đoạn đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, nguồn lực con người Việt Nam càng trở nên có ý nghĩa quan trọng, quyết định sự thành công của công cuộc phát triển đất nước. Giáo dục ngày càng có vai trò và nhiệm vụ quan trọng trong việc xây dựng một thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi ngành giáo dục phải đổi mới công tác quản lý giáo dục, tăng cường chuẩn hóa đội ngũ lãnh đạo nhà trường và giáo viên; nhằm nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện ngành giáo dục trong giai đoạn hiện nay cũng như phải có chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại.

Để giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở giáo dục - đào tạo và đông đảo bạn đọc kịp thời nắm bắt được các chính sách đổi mới của nhà nước về quản lý giáo dục. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội xuất bản cuốn sách **"ĐỔI MỚI CĂN BẢN TOÀN DIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGÀNH GIÁO DỤC TIÊU CHUẨN CÔNG NHẬN TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA"**.

Nội dung cuốn sách bao gồm những phần chính sau:

Phần I. Khung pháp lý trong hoạt động giáo dục

Phần II. Công tác đổi mới căn bản, toàn diện và chính sách phát triển ngành giáo dục

Phần III. Điều lệ của trường học và điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh

Phần IV. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường học

Phần V. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục

Phần VI. Tiêu chuẩn công nhận trường học đạt chuẩn

Phần VII. Công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng giáo dục - đào tạo

Phần VIII. Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục

Nội dung cuốn sách được sắp xếp trình tự thời gian và có giá trị thực tiễn. Đây là một tài liệu thực sự cần thiết cho các cơ quan quản lý trường học, hiệu trưởng, lãnh đạo trường học, cán bộ làm công tác quản lý giáo dục và các bạn đọc khác quan tâm đến lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách đến cùng bạn đọc.

**NHÀ XUẤT BẢN**



# *Phần I*

## **KHUNG PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

---

### **1. VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 23/VBHN-VPQH NGÀY 18-12-2013**

#### **Hợp nhất Luật Giáo dục của Văn phòng Quốc hội**

Luật giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Luật số 44/2009/QH12 ngày 25 tháng 11 năm 2009 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2010.

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Luật này quy định về giáo dục<sup>1</sup>.*

#### **Chương 1.**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật giáo dục quy định về hệ thống giáo dục quốc dân; nhà trường, cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân, của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân; tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động giáo dục.

##### **Điều 2. Mục tiêu giáo dục**

Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

##### **Điều 3. Tính chất, nguyên lý giáo dục**

1. Nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng.

2. Hoạt động giáo dục phải được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.

##### **Điều 4. Hệ thống giáo dục quốc dân**

1. Hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

2. Các cấp học và trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:

a) Giáo dục mầm non có nhà trẻ và mẫu giáo;



- b) Giáo dục phổ thông có tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- c) Giáo dục nghề nghiệp có trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề;
- d) Giáo dục đại học và sau đại học (sau đây gọi chung là giáo dục đại học) đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

#### **Điều 5. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục**

1. Nội dung giáo dục phải bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại và có hệ thống; coi trọng giáo dục tư tưởng và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phù hợp với sự phát triển về tâm sinh lý lứa tuổi của người học.
2. Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên.

#### **Điều 6. Chương trình giáo dục**

1. Chương trình giáo dục thể hiện mục tiêu giáo dục; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp, mỗi cấp học hoặc trình độ đào tạo.

2.<sup>2</sup> Chương trình giáo dục phải bảo đảm tính hiện đại, tính ổn định, tính thống nhất, tính thực tiễn, tính hợp lý và kế thừa giữa các cấp học và trình độ đào tạo; tạo điều kiện cho sự phân luồng, liên thông, chuyển đổi giữa các trình độ đào tạo, ngành đào tạo và hình thức giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; là cơ sở bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

3. Yêu cầu về nội dung kiến thức và kỹ năng quy định trong chương trình giáo dục phải được cụ thể hóa thành sách giáo khoa ở giáo dục phổ thông, giáo trình và tài liệu giảng dạy ở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên. Sách giáo khoa, giáo trình và tài liệu giảng dạy phải đáp ứng yêu cầu về phương pháp giáo dục.

4. Chương trình giáo dục được tổ chức thực hiện theo năm học đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; theo năm học hoặc theo hình thức tích lũy tín chỉ đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

Kết quả học tập môn học hoặc tín chỉ mà người học tích lũy được khi theo học một chương trình giáo dục được công nhận để xem xét về giá trị chuyển đổi cho môn học hoặc tín chỉ tương ứng trong chương trình giáo dục khác khi người học chuyển ngành nghề đào tạo, chuyển hình thức học tập hoặc học lên ở cấp học, trình độ đào tạo cao hơn.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc thực hiện chương trình giáo dục theo hình thức tích lũy tín chỉ, việc công nhận để xem xét về giá trị chuyển đổi kết quả học tập môn học hoặc tín chỉ.

#### **Điều 7. Ngôn ngữ dùng trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác; dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số; dạy ngoại ngữ**

1. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức dùng trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Căn cứ vào mục tiêu giáo dục và yêu cầu cụ thể về nội dung giáo dục, Thủ tướng Chính phủ quy định việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

2. Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp cho học sinh người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp thu kiến thức khi học tập trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Ngoại ngữ quy định trong chương trình giáo dục là ngôn ngữ được sử dụng phổ biến trong giao dịch quốc tế. Việc tổ chức dạy ngoại ngữ trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác cần bảo đảm để người học được học liên tục và có hiệu quả.

## **Điều 8. Văn bằng, chứng chỉ**

1. Văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân được cấp cho người học sau khi tốt nghiệp cấp học hoặc trình độ đào tạo theo quy định của Luật này.

Văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân gồm bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp, bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ.

2. Chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân được cấp cho người học để xác nhận kết quả học tập sau khi được đào tạo hoặc bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp.

## **Điều 9. Phát triển giáo dục**

Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học, công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh; thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; bảo đảm cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền; mở rộng quy mô trên cơ sở bảo đảm chất lượng và hiệu quả; kết hợp giữa đào tạo và sử dụng.

## **Điều 10. Quyền và nghĩa vụ học tập của công dân**

Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân.

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.

Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để người nghèo được học tập, tạo điều kiện để những người có năng khiếu phát triển tài năng.

Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, người tàn tật, khuyết tật và đối tượng được hưởng chính sách xã hội khác thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập của mình.

## **Điều 11. Phổ cập giáo dục**

1.<sup>3</sup> Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Nhà nước quyết định kế hoạch phổ cập giáo dục, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục trong cả nước.

2. Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nghĩa vụ học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập.

3. Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập.

## **Điều 12. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục**

Phát triển giáo dục, xây dựng xã hội học tập là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân.

Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong phát triển sự nghiệp giáo dục; thực hiện đa dạng hóa các loại hình trường và các hình thức giáo dục; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục.

Mọi tổ chức, gia đình và công dân có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và an toàn.

## **Điều 13. Đầu tư cho giáo dục<sup>4</sup>**

Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Đầu tư trong lĩnh vực giáo dục là hoạt động đầu tư đặc thù thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện và được ưu đãi đầu tư.

Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục; khuyến khích và bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư cho